

Bản án số: 438/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 8 - 2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Ông Nguyễn Thế Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 344/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5622/2023/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1976; Địa chỉ: 6 H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh năm 1967; Địa chỉ: 4 N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim A đều trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ngọc Hoài N sống chung từ năm 1996 đến năm 1998, sau đó hai bên nhận thấy cuộc sống chung không hợp nên không còn tiếp tục chung sống. Đồng thời đến nay hai bên vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Huy P, sinh năm 1996; Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh năm 1997; Nguyễn Ngọc Thanh Y1, sinh năm 1997. Đều đã trưởng thành.

Nay để thuận tiện trong việc làm các giấy tờ cá nhân nên bà đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Ngọc Hoài N; Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Hoài N trình bày:*

Ông xác nhận phần trình bày của bà Nguyễn Thị Kim A là đúng. Ông và bà A sống chung 03 năm từ năm 1996 đến năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Huy P, sinh năm 1996; Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh năm 1997; Nguyễn Ngọc Thanh Y1, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông thì ông đồng ý với yêu cầu của bà A.

Tuy các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng do không có đăng ký kết hôn nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có ý kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Hoài N cư trú tại 4 N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của đương sự là hợp lệ, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có sống chung với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó hai bên nhận thấy cuộc sống chung không hợp, không còn tình cảm vợ chồng nên không tiếp tục sống chung từ năm 1998 đến nay. Nay ông bà đều thống nhất ly hôn để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên do ông bà không đăng ký kết hôn nên cùng thống nhất yêu cầu không công nhận cả hai là vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này.

[4] Nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc Hoài N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống với nhau được một thời gian thì nhận thấy cuộc sống chung không hợp, tình cảm vợ chồng không còn nên không còn tiếp tục chung sống từ năm 1998 đến nay. Nay ông bà đều thống nhất ly hôn để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đều kiên quyết ly hôn và yêu cầu không công nhận ông bà là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

Xét thấy, giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc Hoài N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng, nay cùng tự nguyện thống nhất ly hôn nên căn cứ theo Điều 14, 51, 53, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc Hoài N có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Huy P, sinh năm 1996; Nguyễn Ngọc Kim Y, sinh năm 1997; Nguyễn Ngọc Thanh Y1, sinh năm 1997. Các con đều đã trưởng thành và cả hai bên đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 14, 51, 53, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Ngọc Hoài N là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0043804 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương